

Số: 5306 /CT-TTHT
V/v: chính sách thuế

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam
Địa chỉ: D10/89Q Quốc lộ 1A, P.Tân Tạo, quận Bình Tân
Mã số thuế: 0300813662

Trả lời văn thư số 1005/2016 ngày 10/05/2016 của Công ty về chính sách thuế, Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT):

+ Tại Điều 9 quy định thuế suất 0%:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu;

...

- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật:

+ Hàng hoá gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động mua, bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công hàng hoá với nước ngoài.

+ Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật.

...

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hoá xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.”

+ Tại Khoản 2 Điều 16 quy định điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu:

“Tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

...”

+ Tại Khoản 2 Điều 17 quy định điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp hàng hoá được coi như xuất khẩu:

“Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật:

a) Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công có chỉ định giao hàng tại Việt Nam;

b) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan;

c) Hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu ghi rõ tên người mua phía nước ngoài, tên doanh nghiệp nhận hàng và địa điểm giao hàng tại Việt Nam;

d) Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam phải thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ được phía nước ngoài uỷ quyền thanh toán cho người xuất khẩu tại chỗ thì đồng tiền thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

đ) Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư.

...

Các trường hợp cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu hoặc hàng hoá được coi như xuất khẩu hướng dẫn tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này nếu đã có xác nhận của cơ quan Hải quan (đối với hàng hóa xuất khẩu) nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ khác đối với từng trường hợp cụ thể thì không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Riêng đối với trường hợp hàng hoá gia công chuyển tiếp và hàng hoá xuất khẩu tại chỗ, nếu không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa. Đối với cơ sở kinh doanh có dịch vụ xuất khẩu nếu không đáp ứng điều kiện về thanh toán qua ngân hàng hoặc được coi như thanh toán qua ngân hàng thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế đầu vào”

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 100/2010/TT-BTC ngày 09/07/2010 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế (có hiệu lực đến 31/12/2015);

Căn cứ Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2016):

+ Tại Khoản 1 Điều 4 quy định:

~~“Khai hải quan”~~

1. Người khai hải quan bao gồm:

a) Doanh nghiệp chuyển phát nhanh;

b) Chủ hàng;

c) Người được chủ hàng ủy quyền trong trường hợp hàng hóa là quà biếu, quà tặng của cá nhân; hành lý gửi trước, gửi sau chuyển đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;

d) Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa;

d) Đại lý hải quan không phải doanh nghiệp chuyển phát nhanh.”

+ Tại Khoản 2 Điều 6 quy định về chia nhóm hàng hóa:

“Doanh nghiệp chuyển phát nhanh căn cứ vào chứng từ thương mại hoặc chứng từ vận tải (trường hợp không có chứng từ thương mại) của hàng hóa để thực hiện chia nhóm hàng hóa như sau:

...

2. Hàng hóa xuất khẩu được chia nhóm như sau:

a) Nhóm 1: Hàng hóa xuất khẩu là tài liệu, chứng từ không có giá trị thương mại;

b) Nhóm 2: Hàng hóa xuất khẩu có trị giá dưới năm triệu đồng Việt Nam (5.000.000 đồng) và không có thuế xuất khẩu, trừ hàng hóa phải có giấy phép xuất khẩu hoặc thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành;

c) Nhóm 3: Hàng hóa xuất khẩu không thuộc điểm a, điểm b Khoản này.”

+ Tại Khoản 2 Điều 8 quy định:

“Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hải quan và Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, cụ thể:

...

2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư này hồ sơ hải quan bao gồm:

a) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp hoặc Tờ khai hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này;

b) Vận tải đơn (chỉ yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu vận tải bằng đường bộ);

c) Hóa đơn thương mại (nếu có)."

+ Tại Điều 11 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư này:

"Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC."

Căn cứ các quy định trên:

1. Trường hợp Công ty trong năm 2015 xuất khẩu hàng hóa sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh nếu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh cung cấp Bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu không có thuế và trên bản kê này có xác nhận của Hải quan là hàng đã thực xuất, trên Bản kê cũng thể hiện rõ các nội dung cần thiết như: tên và địa chỉ Công ty xuất khẩu, tên và địa chỉ Công ty nhập hàng, tên, số lượng và giá trị hàng hóa thì Bản kê chi tiết hàng hóa xuất khẩu không có thuế có giá trị pháp lý như Tờ khai hải quan thông thường được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0%.

Kể từ 01/01/2016 để đáp ứng điều kiện về "Tờ khai hải quan" thì hàng hóa xuất khẩu qua dịch vụ chuyển phát nhanh phải đảm bảo thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 191/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp hàng hoá xuất khẩu tại chỗ nếu không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. 

Nơi nhận: 

- Như trên;

- P.PC;

- P.KTr 2;

- Lưu: VT, TTHT.

1050 - 15984249 / 2016 QK

151371

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Thị Lệ Nga